TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 291/2023/HNGĐ-ST Ngày: 06/9/2023 *"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Dương Thị Kim Hồng**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị An Thị Thanh H, sinh ngày 10/01/1985.

ĐKHKTT: Xóm C, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số nhà D, ngõ F, đường Q, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Đài Loan. Vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Ông An Thanh X, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số nhà D, ngõ F, đường Q, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Viết N, sinh ngày 15/7/1975.

ĐKHKTT và nơi cư trú: Xóm C, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị* An Thị Thanh H *trình bày:* Chị và anh Nguyễn Viết N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 05/01/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không chịu khó làm ăn, chơi bời, lô đề, cờ bạc, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình vợ con, không có kinh tế đưa cho chị để trang trải cuộc sống và nuôi con, vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2012, sau khi sinh con Nguyễn Viết T vợ chồng đã sống ly thân, gia đình nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2014 chị được gia đình lo cho đi lao động tại Đài Loan, từ khi đi cho đến nay, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Viết N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 01/12/2009 và Nguyễn Viết T, sinh ngày 11/8/2013, hiện con Nguyễn Thị Quỳnh A đang ở với ông ngoại là ông An Thanh X; con Nguyễn Viết T đang ở với anh N. Chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi con Nguyễn Thị Quỳnh A, anh N nuôi con Nguyễn Viết T cho đến khi các con thành niên tròn 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho ông X thay chị chăm sóc con Nguyễn Thị Quỳnh A cho đến khi chị về nước, chị có trách nhiệm gửi tiền về cho ông X chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị H đang lao động tại Đài Loan, chị ủy quyền cho ông An Thanh X thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại các bản khai anh* Nguyễn Viết N *trình bày:* Anh và chị An Thị Thanh H có quan hệ hôn nhân như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh được một thời gian ngắn thì vợ chồng chuyển ra phường P, thị xã K sinh sống để tiện đi làm. Khoảng năm 2012 - 2013, vợ chồng cùng về nhà bố mẹ đẻ chị H sinh sống nhưng giữa anh và gia đình chị H xảy ra mâu thuẫn. Năm 2014 anh bị tai nạn lao động, chị H không chăm sóc anh mà chạy đi lao động nước ngoài, anh không đồng ý nhưng chị H vẫn cương quyết đi. Từ khi đi cho đến nay, chị H không gửi tiền về cho anh để trang trải kinh tế, trả nợ và nuôi

con, thời gian đầu thỉnh thoảng chị có liên lạc về nhà hỏi thăm tình hình con cái, nhưng thời gian gần đây chị chặn không cho anh liên lạc với chị. Năm 2017, khi chị H về phép anh đã nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà và được chuyển lên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương sau đó anh lại rút đơn về. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn. Anh yêu cầu chị H về nước để giải quyết các khoản nợ thì anh mới nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh N xác định vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày là đúng, hiện con Nguyễn Thị Quỳnh A đang ở với ông bà ngoại, con Nguyễn Viết T đang ở với anh. Anh giữ nguyên quan điểm đề nghị mỗi người nuôi một con, anh nuôi con Nguyễn Viết T, chị H nuôi con Nguyễn Thị Quỳnh A cho đến khi các con trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Trong thời gian chị H không có mặt ở Việt Nam anh sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Thị Quỳnh A là 2.000.000đ/tháng cho đến khi chị H về nước đón con hoặc cho đến khi con Nguyễn Thị Quỳnh A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản chung và có khoản nợ chung là 794.508.032đ. Hiện tại anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này chị H về nước anh chị tự thống nhất thỏa thuận phân chia với nhau. Trường hợp không thống nhất thỏa thuận được anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Người được chị H *ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - ông* An Thanh X *trình bày:* Ông nhất trí nhận ủy quyền của chị H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Đồng thời ông nhất trí nhận ủy quyền của chị H về việc chăm sóc cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, cho đến khi chị H về nước, ông không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Quỳnh A. Ngoài ra ông X trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng, anh N không chịu khó làm ăn, không đưa tiền cho chị H trang trải cuộc sống và nuôi con. Do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi, chửi nhau, anh N nhiều lần đánh đập, chửi bới chị H. Ông khuyên bảo anh N, sau đó vợ chồng chuyển về nhà ông sinh sống nhưng anh N vẫn chứng nào tật ấy tiếp tục chơi bời, lô đề, rượu chè, trai gái khiến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Chị H không chịu đựng được nên gia đình ông đã lo cho chị H đi lao động tại Đài Loan từ năm 2014, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay, chị H có đơn xin ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị T1 là mẹ đẻ anh N trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình bà được một thời gian ngắn thì

chuyển lên phường P, thị xã K ở để tiện công việc. Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, nguyên nhân là do kinh tế không rõ ràng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và không thể hòa hợp được. Năm 2014 anh N bị tai nạn lao động, chị H không chăm sóc anh mà bỏ đi lao động ở nước ngoài. Từ khi đi đến nay vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Con chung của chị H, anh Nghĩa l cháu Nguyễn Thị Quỳnh A có nguyện vọng được ở với chị H và ông X; cháu Nguyễn Viết T có nguyện vọng được ở với anh N.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H và anh N đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại địa phương được một thời gian ngắn thì chuyển sang phường P, thị xã K sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị H đi lao động ở nước ngoài còn anh N sau khi bị tai nạn lao động đã chuyển về địa phương sinh sống. Vợ chồng mỗi người ở một nơi. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh N trình bày: Do vợ chồng vẫn còn nhiều vướng mắc chưa được giải quyết nên anh không đồng ý ly hôn. Hiện chị H không có mặt ở Việt Nam nên anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Thị Quỳnh A là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị An Thị Thanh H ly hôn anh Nguyễn Viết N. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Quỳnh A và Nguyễn Viết T cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Thị Quỳnh A 2.000.000đ/tháng cho đến khi con Nguyễn Thị Quỳnh A tròn 18 tuổi. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị An Thị Thanh H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại số nhà D, ngõ F, đường Q, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan. Bị đơn anh Nguyễn Viết N hiện đang sinh sống tại Việt Nam. Mặc dù chị H không có mặt ở Việt Nam nhưng thời gian về nghỉ phép chị đã có đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho ông An Thanh X thay chị giao, nộp tại Tòa án. Đơn xin ly hôn và các tài liệu của chị đã được UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương xác nhận. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị An Thị Thanh H và anh Nguyễn Viết N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 05/01/2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không chịu khó làm ăn, chơi bời, cờ bạc, rượu chè, chửi bới, đánh đập chị H, anh thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình vợ con, không có kinh tế đưa cho chị để trang trải cuộc sống và nuôi con, vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Do điều kiện kinh tế khó khăn, năm 2014 chị đi lao động tại Đài Loan, từ khi đi cho đến nay vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh N xác định thời gian năm 2014 khi anh bị tại nạn lao động, chị H không quan tâm, chăm sóc anh mà bỏ đi lao động tại Đài Loan, từ khi đi chị H cũng không gửi tiền về để trang trải cuộc sống, không liên lạc và không quan tâm đến anh, năm 2017 anh đã nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về. Nay anh cũng xác đình tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N không đồng ý ly hôn không phải để giữ gìn hạnh phúc gia đình mà là để yêu cầu chị H về giải quyết các khoản nợ mà anh yêu cầu thì anh mới nhất trí ly hôn. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh N có hai con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 01/12/2009 và Nguyễn Viết T, sinh ngày 11/8/2013, hiện con Nguyễn Thị Quỳnh A đang ở với ông X, con Nguyễn Viết T đang ở với anh N. Chị H đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Quỳnh A;

anh N nuôi dưỡng con Nguyễn Viết T cho đến khi các con tròn 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tuy nhiên, anh N đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Thị Quỳnh A 2.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị H đề nghị được nuôi con Nguyễn Thị Quỳnh A nhưng hiện tại chị không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần giao các con chung Nguyễn Thị Quỳnh A và Nguyễn Viết T cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Thị Quỳnh A 2.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Sau này chị H về Việt Nam nếu có căn cứ thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, anh N xác định vợ chồng có khoản nợ chung là 794.508.032đ, nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để anh, chị tự thống nhất thỏa thuận phân chia với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu có căn cứ, sau này các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị An Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị An Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị An Thị Thanh H ly hôn anh Nguyễn Viết N.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Viết N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 01/12/2009 và Nguyễn Viết T, sinh ngày 11/8/2013 cho đến khi các con thành niên (đủ 18

tuổi). Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Thị Quỳnh A 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 10/2023 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh N *có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị* H *không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Chị An Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2021/0003623 ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do ông An Thanh X nộp thay). Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị An Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị An Thị Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Viết N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Tân An, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường